

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trong hầu hết phiên giao dịch

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của chỉ số VN30

## [Thông tin doanh nghiệp]

PHR, FMC

## [Vĩ mô/Chiến lược]

Báo cáo trái phiếu doanh nghiệp

## [Cập nhật công ty]

MSB

## [Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế đã mở và có thể hạ dần tỷ trọng ngắn hạn khi chỉ số tiếp cận vùng cản đã đề cập trong các nhận định trước.

09/08/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,258.85	+0.17
VN30	1,281.44	+0.37
HĐTL VN30F1M	1,272.70	+0.53
HNXIndex	301.41	+0.03
HNX30	554.52	+0.05
UPCoM	92.86	+0.58
USD/VND	23,397	+0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.58	+0
Lãi suất qua đêm (%)	4.04	+4
Dầu (WTI, \$)	89.43	-1.47
Vàng (LME, \$)	1,791.38	+0.14



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,258.85 (+0.17%)  
**KLGD (triệu CP)** 721.6 (+20.8%)  
**GTGD (triệu US\$)** 682.5 (+1.0%)

TTCK Việt Nam tăng điểm trong hầu hết phiên giao dịch với thanh khoản tăng với sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu bất động sản, và ngân hàng. Khối ngoại bán ròng ở HPG (+2.1%), VNM (-0.3%), VHM (1%).

**HNXIndex** 301.41 (+0.03%)  
**KLGD (triệu CP)** 98.8 (+3.4%)  
**GTGD (triệu US\$)** 69.9 (-12.2%)

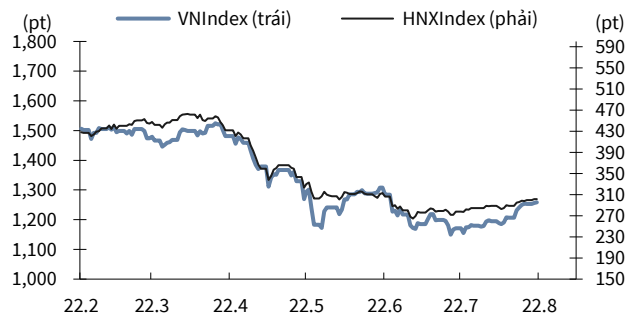
Hiệp hội Môi giới Bất động sản (VARS) nhận định bất động sản công nghiệp hồi sinh cùng làn sóng đầu tư, cổ phiếu ngành bất động sản công nghiệp tăng ở LHG (+0.6%), ITA (+1.9%)

**UPCoM** 92.86 (+0.58%)  
**KLGD (triệu CP)** 48.2 (-4.1%)  
**GTGD (triệu US\$)** 31.2 (-7.1%)

Theo Hiệp hội các nước sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC), triển vọng thị trường cao su tự nhiên dự kiến sẽ cải thiện hơn trong năm 2022. Trong tháng 6/2022, sản lượng cao su tự nhiên toàn cầu đạt 1.1 triệu tấn, tăng 3.8% YoY trong khi tiêu thụ đạt 1.2 triệu tấn, tăng 5.8% MoM, do đó nguồn cung thiếu hụt khoảng 93,000 tấn, cổ phiếu ngành cao su tăng ở DPR (+1.3%), GVR (+0.6%).

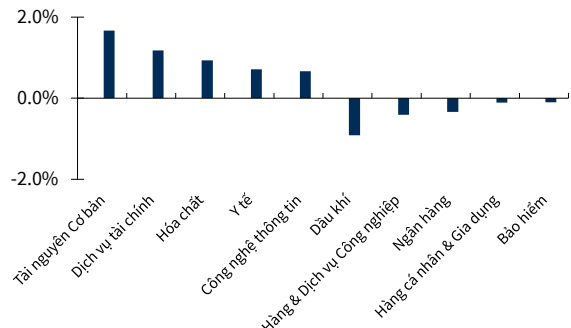
**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** -2.9

VNIndex & HNXIndex



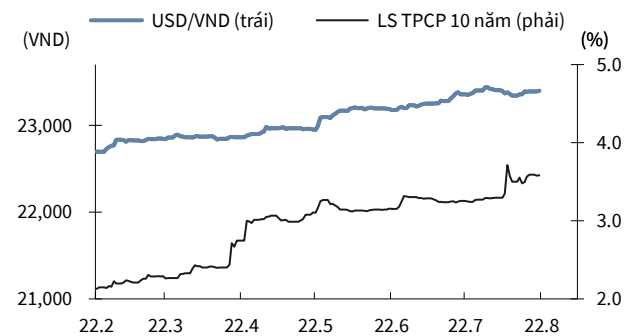
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

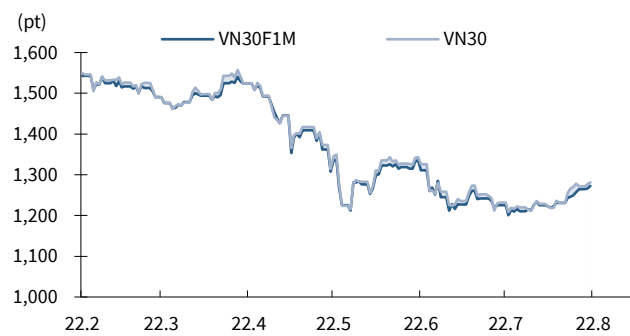
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,281.44 (+0.37%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,272.7 (+0.53%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,264.5</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,275.8</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,264.1</b>

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của chỉ số VN30. Chênh lệch F2208 và thị trường cơ sở mở cửa ở mức -10.7 điểm sau đó giảm mạnh xuống mức thấp nhất phiên tại -17.76 điểm trong đầu phiên sáng và hồi phục lại quanh mức -11 điểm trước khi đóng cửa ở mức -8.74 điểm. Thanh khoản thị trường cải thiện trong phiên hôm nay.

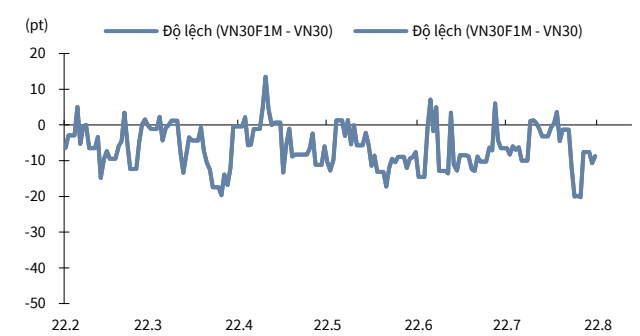
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>196,507 (+43.3%)</b>
------------------	-------------------------

### HĐTL VN30F1M & VN30



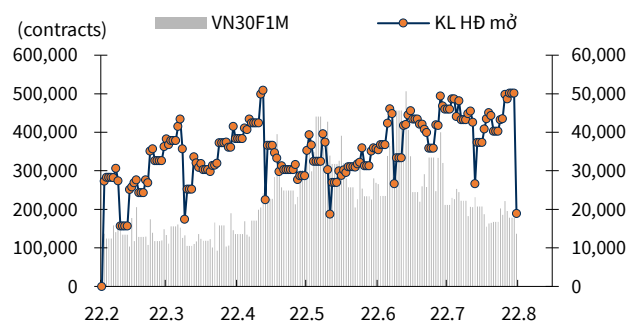
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



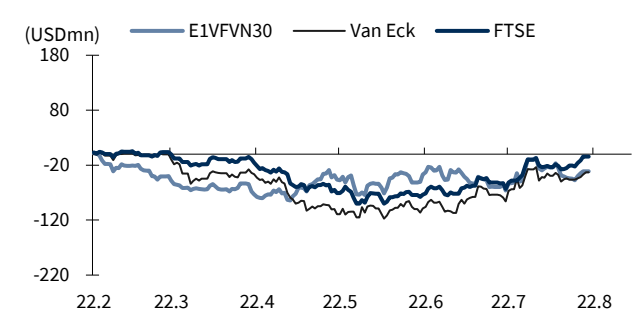
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

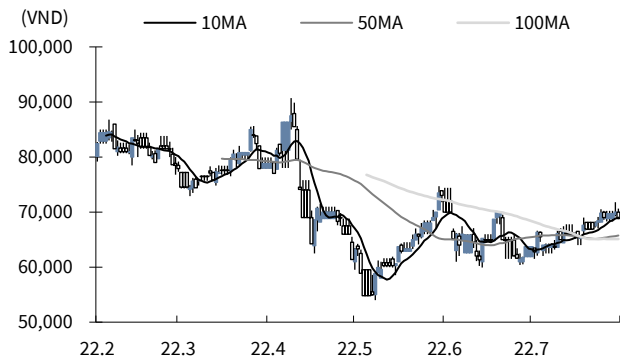
### Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

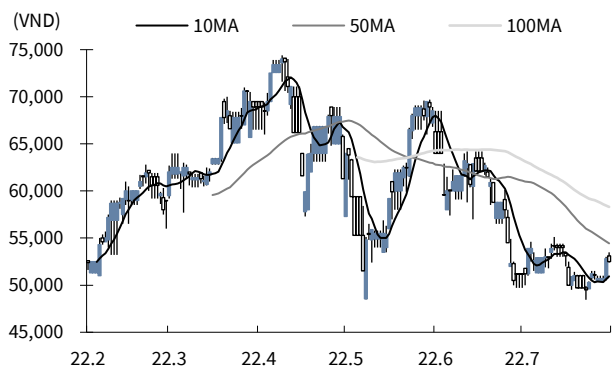
## CTCP Cao su Phước Hòa (PHR)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PHR giảm 1.71% xuống 68,800 VND/cp
- Cao su Phước Hòa thông báo tổng doanh thu công ty mẹ quý III đạt 492 tỷ đồng tăng 75% YoY, và lợi nhuận trước thuế 220 tỷ đồng tăng gấp 3.2 lần cùng kỳ năm trước.
- Công ty cho biết trong quý III và nửa cuối năm ngành cao su sẽ đối mặt với nhiều khó khăn như giá cả nguyên vật liệu đầu vào đều tăng trong khi giá bán cao su giảm, tình trạng thiếu lao động khai thác mỏ, tiền thuê đất cao, sẽ ảnh hưởng lớn đến việc hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2022.

## CTCP Thực phẩm Sao Ta (FMC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- FMC giảm 0.57% xuống 52,500 VND/cp
- Công ty Thực phẩm Sao Ta công bố doanh thu nửa đầu năm đạt 2,738 tỷ đồng, tăng 29% YoY; lãi sau thuế cổ đông công ty mẹ 114 tỷ đồng, tăng 50% YoY. Cụ thể, thành phẩm tôm chế biến 7 tháng đạt 12,889 tấn, tăng 5.7% YoY; thành phẩm tôm tiêu thụ ghi nhận 11,259 tấn, tăng 4% YoY, và mảng nông sản, thành phẩm chế biến và tiêu thụ đạt lần lượt 1,389 tấn và 1,082 tấn (+100% YoY và 14% YoY).

# Báo cáo thị trường TPDN

## Áp lực đáo hạn TPDN BĐS 2023-2024

Nguyễn Anh Tùng  
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ  
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga  
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở  
ngaphb@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh  
Chuyên viên chiến lược đầu tư  
anhhttp@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên  
Chuyên viên vĩ mô  
quyenlh@kbsec.com.vn

05/08/2022

Quy mô thị trường tính đến đầu Q3/2022 đạt khoảng 1.6 triệu tỷ đồng, tương ứng gần 18.3% GDP và bằng 14.2% dư nợ tín dụng. Trong đó giai đoạn 2019-2021 là thời điểm bùng nổ của thị trường trái phiếu doanh nghiệp cả về giá trị và số lượt phát hành

Quy mô thị trường trái phiếu doanh nghiệp của Việt Nam vẫn còn tương đối thấp trong khu vực, do đó rủi ro chung đặt ra cho toàn bộ nền kinh tế không quá đáng kể. Tuy nhiên, rủi ro vỡ nợ trái phiếu đối với một số doanh nghiệp bất động sản đang hiện hữu

Cuối năm 2022 và 2023-2024 sẽ là giai đoạn khó khăn về dòng tiền đối với các công ty bất động sản có khối lượng trái phiếu đến hạn lớn. Đặc biệt đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ có chất lượng tài sản kém sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong việc xoay vốn

Đối với các doanh nghiệp bất động sản lớn, mức độ rủi ro sẽ thấp hơn nhờ có các dự án chất lượng và khả năng huy động vốn cao hơn. Tuy nhiên, bởi nhu cầu huy động dòng tiền mới nhằm thanh toán các nghĩa vụ đáo hạn của trái phiếu phát hành từ những năm trước, các công ty này đã phải đẩy mạnh tích lũy và triển khai các dự án mới để có khả năng huy động thêm nguồn vay nợ bất chấp những giai đoạn thị trường tăng trưởng nóng. Điều này sẽ gây mất cân đối dòng tiền và làm giảm hiệu quả hoạt động trong những năm tới

# NHTMCP Hàng hải Việt Nam (MSB)

## Cập nhật họp Chuyên gia phân tích

### Lợi nhuận 6T2022 tăng nhẹ do không còn phí upfront

- Thu nhập lãi thuần Q2 đạt 2,059 tỷ VNĐ, tăng 39.5% so với cùng kỳ và 4.9% so với quý trước. NIM TTM đạt 4.03% - mức cao nhất trong vòng 5 quý gần đây.
- Thu thuần từ hoạt động dịch vụ đạt 243.6 tỷ VNĐ giảm 27.6%QoQ và giảm tới 88.3%YoY chủ yếu do ngân hàng ghi nhận 1 phần phí upfront từ thỏa thuận với Prudential vào 2Q21.
- Hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng đem lại cho ngân hàng 315 tỷ VNĐ. Việc cơ cấu lại danh mục trái phiếu đầu tư giúp ngân hàng lãi 557.7 tỷ VNĐ trong khi cùng kỳ lỗ 337 tỷ VNĐ.
- Tổng thu hoạt động quý 2 đạt 2,784 tỷ VNĐ, tăng 15.7%QoQ và vẫn tăng khoảng 21% so với cùng kỳ nếu loại bỏ khoản phí upfront.
- Chi phí hoạt động giảm nhẹ 2.2% so với cùng kỳ, ghi nhận 1,058 tỷ VNĐ. Ngân hàng ghi nhận hoàn nhập dự phòng rủi ro trong quý 2 khoảng 115 tỷ VNĐ.
- Nhờ đó mà LNTT quý 2 đạt 1,840 tỷ VNĐ, tăng 23.1%QoQ và chỉ giảm nhẹ 6.6%YoY.
- Lợi nhuận trước thuế lũy kế 6 tháng đạt 3,336 tỷ VNĐ, tăng 3.4% so với cùng kỳ năm trước.

### Ngân hàng đã cạn room và chưa có thông tin về room mới

- BLĐ cho biết ngân hàng đã cạn room ngay từ quý 1 tuy nhiên những nỗ lực trong việc xoay vòng các khoản vay đến hạn cùng cơ cấu lại khách hàng để cho vay giúp MSB vẫn ghi nhận tăng trưởng tốt.
- Tăng trưởng tín dụng 6T2022 đạt 8.8% so với đầu năm (room được giao là 9.5%). Cho vay bán lẻ vẫn là động lực chính với dư nợ khách hàng cá nhân tăng 17.6%YTD và SME tăng 11.6%YTD, dư nợ nhóm LC/MLC tăng 1.8%YTD nhưng tỷ trọng vẫn cao (42.2%) khiến tăng trưởng tín dụng thấp hơn.
- Dư nợ trái phiếu doanh nghiệp cuối quý 2 là 3,053 tỷ VNĐ trong đó trái phiếu BĐS là khoảng 1,000 tỷ, xây dựng 500 tỷ và năng lượng tái tạo khoảng 1,200 tỷ.
- Ngân hàng chủ động hướng nguồn tín dụng vào các mảng cho vay cá nhân ít rủi ro hơn như cho vay cá nhân mua nhà (+30.6%YTD), cho vay kinh doanh (+29.7%YTD), thẻ tín dụng (+21.2%YTD) và giảm cho vay tiêu dùng (-11.9%YTD), vay mua ô tô (-4.5%YTD).
- Ngân hàng chưa có thông tin về nơi room tín dụng, tuy nhiên MSB vẫn đang đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của NHNN để có room mới.

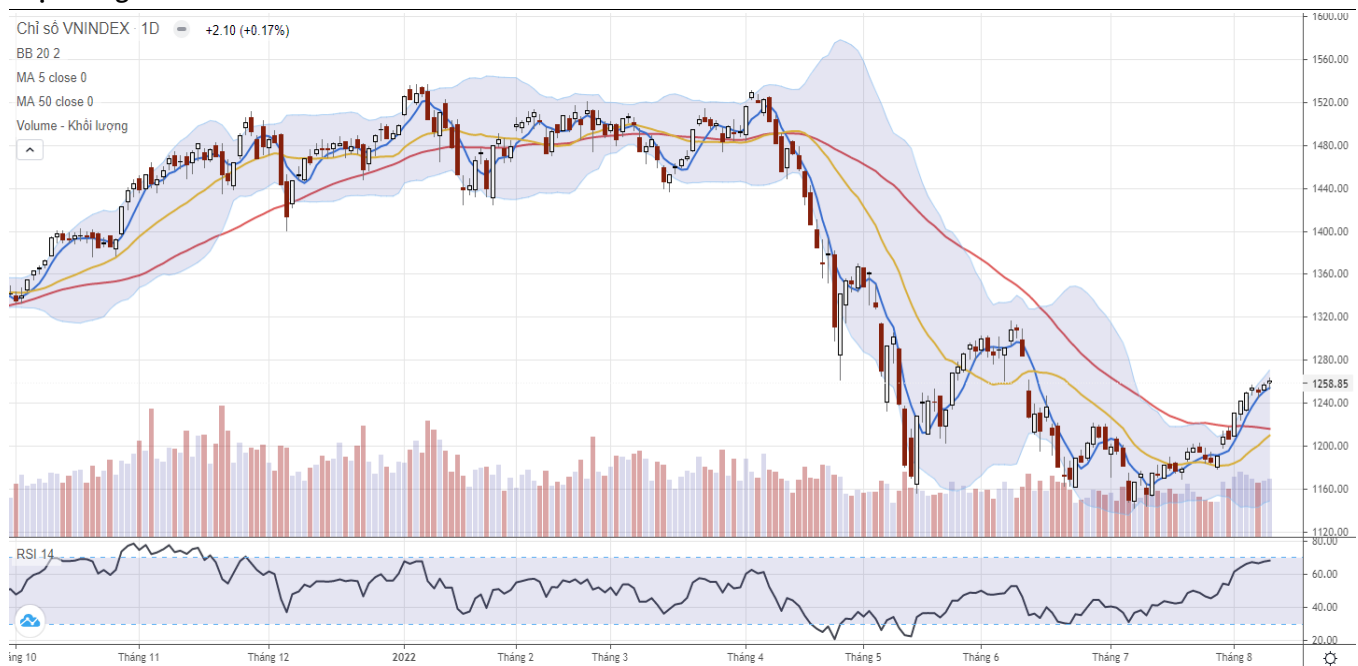
### Kiểm soát tốt chất lượng tài sản

- Tỷ lệ nợ xấu giảm 0.4 điểm % xuống mức 1.1% - mức thấp nhất trong vòng 5 quý trở lại đây.
- Nợ tái cơ cấu tính đến cuối quý 2 là khoảng 2,372 tỷ VNĐ (-21.9%YTD và -17.6%QoQ) trong đó kinh doanh bất động sản chiếm khoảng 69.1%.
- Dự kiến nợ tái cơ cấu giảm về 1,400 tỷ vào cuối năm 2022 nhờ khả năng trả nợ của khách hàng đã quay trở lại, bên cạnh đó TT03 hết hiệu lực nên không có thêm nợ tái cơ cấu.

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



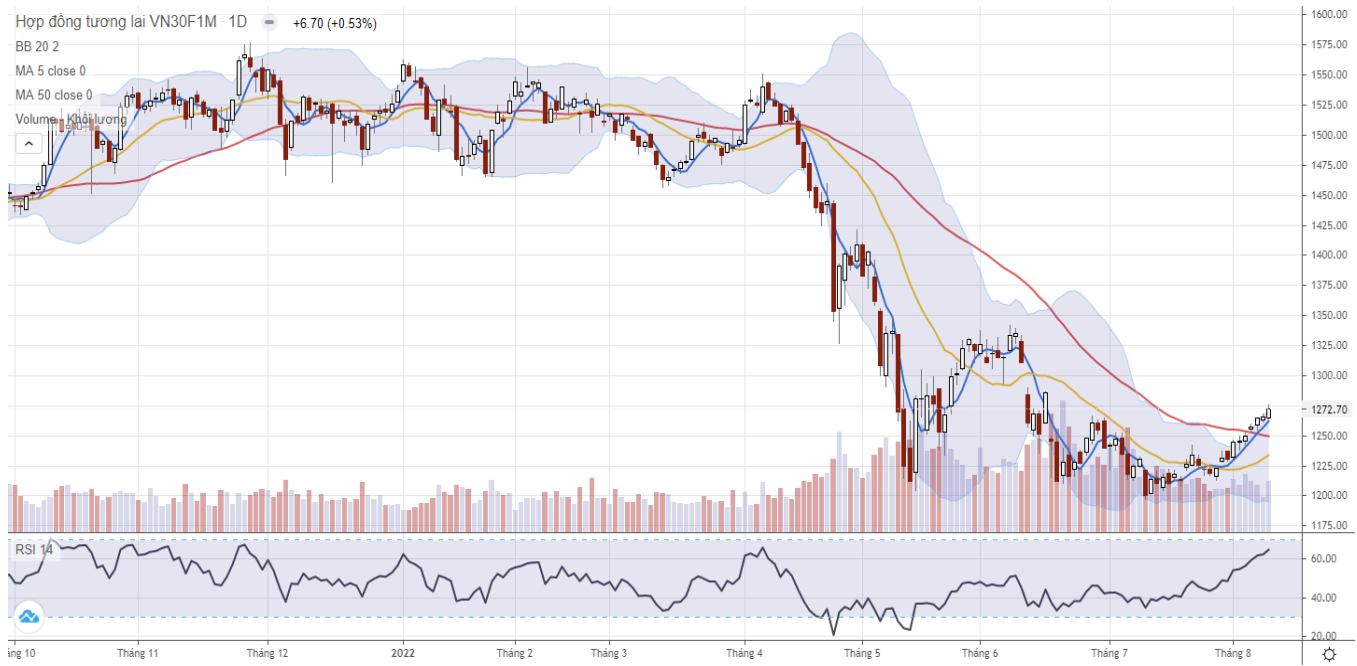
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp tăng điểm giảm co, VNIndex đảo chiều giảm điểm trước khi sớm hồi phục và lấy lại một phần điểm số đã mất về cuối phiên.
- Lực cầu bắt đáy nhập cuộc cùng thanh khoản cải thiện giúp cho chỉ số tránh được nhịp giảm sâu trong phiên. Mặc dù cơ hội mở rộng đà tăng điểm vẫn hiện hữu, VNIndex sẽ tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh từ ngưỡng cản gần quanh 126x trong những phiên tới.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế đã mở và có thể hạ dần tỷ trọng ngắn hạn khi chỉ số tiếp cận vùng cản đã đề cập trong các nhận định trước.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

**Kháng cự xa:** 1282 - 1286

**Kháng cự gần:** 1276 - 1279

**Hỗ trợ gần:** 1262 - 1265

**Hỗ trợ xa:** 1251 - 1254

- F1 tăng điểm tích cực trong phiên với biên độ mở rộng trước khi suy yếu và đánh mất một phần thành quả đạt được về cuối phiên.
- Xung lực tăng điểm tích cực đã giúp cho chỉ số chinh phục ngưỡng cản gần quanh 126x thành công, hiện đã đảo vai trò trở thành điểm đỡ gần của chỉ số. Mặc dù cơ hội mở rộng đà tăng điểm vẫn hiện hữu, F1 sẽ sớm chịu áp lực điều chỉnh từ ngưỡng cản gần quanh 128x trong những phiên tới.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở SHORT tại các ngưỡng kháng cự và mở LONG tại các vùng hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế Long đã mở và chỉ chốt lời từng phần tại các vùng kháng cự.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.



# KBSV danh mục đầu tư mẫu

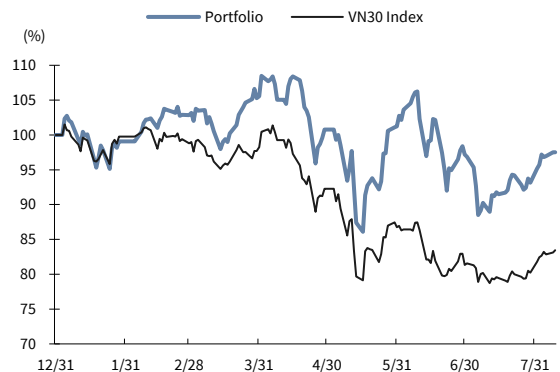
Khởi phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.37%	0.01%
Tăng lũy kế (YTD)	-16.56%	-2.50%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 09/08/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	63,300	0.6%	63.8%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đạt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	24,900	-0.4%	-12.6%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	116,700	0.0%	52.3%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	184,100	-0.8%	-4.1%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	80,400	-2.0%	171.9%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	86,200	0.2%	255.3%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	28,800	-0.7%	52.3%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	112,000	0.9%	52.6%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	24,100	2.1%	116.4%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	37,900	0.0%	268.9%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HDB	0.6%	17.1%	46.9
SSI	0.6%	24.3%	35.9
NLG	2.6%	40.1%	29.3
FUESSVFL	0.7%	95.0%	23.4
HDG	-2.5%	11.3%	17.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	2.1%	20.5%	-135.1
VNM	-0.3%	54.7%	-66.8
VHM	-1.0%	23.3%	-13.4
DXG	0.8%	29.8%	-15.2
LHG	0.6%	16.9%	-15.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHS	-0.7%	6.8%	0.3
HHG	2.7%	0.6%	0.1
PVS	-1.6%	8.7%	0.1
HGM	3.6%	0.2%	0.1
VCS	0.0%	3.1%	0.0

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
DP3	0.0%	0.9%	-0.5
KLF	0.0%	0.5%	-0.2
INN	2.1%	4.8%	-0.1
MBS	0.0%	0.6%	-0.1
DST	2.3%	0.1%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	5.9%	SSI, VND
Tài nguyên Cơ bản	5.4%	HPG, HSG
Dầu khí	3.7%	PLX, PVD
Hóa chất	3.5%	DGC, GVR
Bán lẻ	3.0%	MWG, FRT

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thực phẩm và đồ uống	-2.0%	MSN, SAB
Y tế	-0.2%	IMP, TRA
Truyền thông	0.1%	YEG, PNC
Bảo hiểm	0.1%	BVH, PGI
Bất động sản	0.7%	VHM, VIC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	16.8%	SSI, VND
Xây dựng và Vật Liệu	12.0%	VGC, VCG
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	9.7%	GAS, POW
Ngân hàng	8.7%	GVR, DCM
Hóa chất	8.7%	VCB, CTG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	0.7%	MWG, SBV
Y tế	2.7%	DBD, VDP
Du lịch và Giải trí	4.0%	HOT, TCT
Hàng cá nhân & Gia dụng	4.3%	GDT, NHT
Ô tô và phụ tùng	4.5%	CTF, CSM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	77,978 (3.3)	22.5	272.1	105.5	14.7	8.4	2.3	2.4	2.4	1.1	-2.0	-6.7	-31.3
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	142,663 (6.1)	26.6	8.5	7.1	35.9	21.6	21.6	1.7	1.5	-1.0	-2.6	-0.2	-25.7
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	41,007 (1.8)	17.8	28.1	18.4	-7.6	8.1	10.3	2.0	1.9	-0.5	-1.6	5.7	-5.1
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	152,128 (6.5)	31.3	29.7	23.5	6.7	15.1	16.4	4.1	3.5	1.8	10.0	12.9	-8.5
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	30,779 (1.3)	11.6	20.3	16.5	13.7	12.9	17.2	2.3	2.1	-0.6	-1.4	6.4	-17.3
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	225,946 (9.7)	13.9	14.4	14.3	-	13.5	11.6	1.7	1.6	0.7	2.9	27.1	-22.9
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	81,240 (3.5)	6.3	14.2	11.9	11.7	21.3	21.8	2.8	2.3	-1.5	2.4	9.2	2.5
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	65,322 (2.8)	12.7	14.7	11.7	-5.3	15.5	17.2	2.0	1.7	-0.4	0.4	10.4	4.2
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	166,657 (7.1)	0.0	6.4	5.4	14.3	20.8	19.8	1.2	1.0	-0.1	2.2	4.3	-21.7
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	119,992 (5.1)	1.4	7.6	6.3	50.3	18.1	20.5	1.2	1.1	-0.7	0.7	11.2	-15.0
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	319,618 (13.7)	0.0	7.3	7.0	18.8	20.3	17.0	1.4	1.1	0.8	4.1	5.8	-15.5
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	202,203 (8.6)	0.0	6.6	5.4	14.6	23.7	22.7	1.4	1.1	0.9	2.4	9.2	-5.4
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	39,467 (1.7)	4.2	7.0	5.8	23.3	22.9	22.3	1.4	1.1	0.6	1.2	6.1	-18.5
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	347,672 (14.9)	14.0	12.7	11.5	26.5	11.3	14.9	1.3	1.1	-0.2	1.2	12.2	-19.8
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	55,774 (2.4)	0.0	10.3	6.0	37.4	22.3	22.4	1.4	1.1	0.2	3.4	5.5	-30.3
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	6,530 (0.3)	0.2	-	-	27.3	10.8	11.9	-	-	0.0	-0.3	-3.0	-10.4	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	70,391 (3.0)	21.0	18.2	15.0	15.8	9.0	11.9	1.9	1.7	-0.7	-1.0	6.8	4.1
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	6,340 (0.3)	14.2	14.5	11.8	9.1	13.0	15.2	1.6	1.5	1.4	5.1	7.0	-32.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	453,972 (19.4)	55.4	9.0	8.4	-3.2	19.3	16.4	1.4	1.2	0.6	6.9	21.6	-49.1
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	199,152 (8.5)	71.9	10.3	9.9	-4.0	24.7	20.6	2.1	1.9	2.6	10.5	27.2	-35.2
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	205,347 (8.8)	52.4	9.6	9.3	-19.0	18.2	15.9	1.5	1.4	-1.1	1.3	11.1	-40.7
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	456,308 (19.5)	27.2	9.7	8.2	36.3	25.7	24.3	2.2	1.8	1.8	8.7	22.9	-32.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	124,582 (5.3)	42.1	16.7	15.4	4.0	28.3	29.3	4.4	4.2	-0.3	-1.9	-1.4	-16.7
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	25,054 (1.1)	36.9	27.0	22.6	7.3	20.0	21.3	4.9	4.4	-0.4	-4.0	16.2	19.3
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	81,478 (3.5)	16.5	24.5	19.6	-51.9	17.4	19.2	3.9	3.3	0.4	-4.4	0.3	-26.2
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	99,088 (4.2)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	2.2	5.4	31.5	-44.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	63,107 (2.7)	11.0	52.7	18.5	-88.5	8.9	21.6	-	-	1.0	-0.9	-1.1	-1.5
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	57,827 (2.5)	10.8	19.1	15.6	-57.0	12.1	13.5	2.2	2.1	0.8	0.8	9.9	10.8
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	105,415 (4.5)	38.4	7.4	35.9	65.7	14.1	2.6	1.0	1.0	-0.7	2.7	16.6	-54.5
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	18,318 (0.8)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-5.0	-	-	-81.8
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	211,583 (9.0)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-1.2	2.1	22.8	-40.5
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	51,303 (2.2)	3.6	63.0	17.0	-52.4	1.1	3.4	0.6	0.6	1.3	4.9	5.1	-41.7
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	80,623 (3.4)	0.0	12.1	11.0	-4.5	16.0	14.2	1.8	1.8	-2.0	2.3	4.6	33.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	65,275 (2.8)	46.1	15.5	15.8	-17.5	24.2	22.0	3.7	3.4	0.9	3.5	17.2	16.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	33,175 (1.4)	31.4	12.5	11.4	-10.5	15.5	15.4	1.7	1.7	-1.3	-1.5	14.9	1.1
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,088 (0.0)	34.1	21.8	9.7	-5.1	5.9	12.5	-	-	1.7	1.7	4.0	-25.2
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	611,090 (26.1)	18.0	5.4	5.3	21.9	27.7	21.9	1.2	1.0	2.1	5.2	7.3	-32.5
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	135,357 (5.8)	36.5	4.8	7.6	-0.5	32.3	19.2	1.4	1.3	0.2	4.7	5.0	-2.6
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	116,851 (5.0)	46.5	6.3	9.0	-4.5	35.7	20.6	1.9	1.7	-0.7	8.1	16.2	-9.3
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	150,965 (6.5)	38.9	4.3	4.9	67.9	23.1	15.8	0.8	0.7	-1.0	12.3	12.9	-45.1
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	63,450 (2.7)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-0.4	0.8	12.8	-36.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	32,412 (1.4)	4.6	19.6	16.0	-51.0	11.0	12.4	2.1	1.9	-0.8	2.7	7.0	-21.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	97,404 (4.2)	39.9	77.8	16.6	-11.9	0.9	4.4	0.7	0.7	-1.4	9.7	26.0	-21.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	37,931 (1.6)	35.9	8.3	7.5	2.2	14.4	15.2	1.2	1.1	0.5	6.8	11.0	-12.2
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	190,805 (8.2)	0.0	15.3	12.9	14.4	25.7	25.8	3.1	2.5	0.6	2.1	-2.6	-6.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	63,689 (2.7)	0.0	17.4	14.1	2.4	23.7	23.2	3.2	2.7	0.0	0.2	0.6	21.3
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	6,516 (0.3)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-1.0	3.8	-3.5
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	112,349 (4.8)	30.3	17.2	14.9	-75.2	30.0	27.0	4.5	3.6	-0.1	9.9	1.3	19.9
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	40,074 (1.7)	34.6	9.5	12.1	41.2	32.6	22.8	2.7	2.5	-1.7	0.6	8.0	-3.5
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	866 (0.0)	45.4	14.4	13.3	10.7	21.6	21.0	2.9	2.6	1.0	0.3	4.9	-18.3
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	138,236 (5.9)	0.0	18.0	14.8	15.5	26.8	28.3	4.5	3.9	0.2	1.4	3.1	11.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

---

**Nguyễn Xuân Bình**  
Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

**Dương Đức Hiếu**  
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

**Nguyễn Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ  
tungna@kbsec.com.vn

**Phạm Hoàng Bảo Nga**  
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Nguyễn Đức Huy**  
Chuyên viên phân tích – Ngân hàng  
huynd@kbsec.com.vn

**Tiêu Phan Thanh Quang**  
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics  
quangtpt@kbsec.com.vn

**Khối Phân tích**  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

**Trần Đức Anh**  
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư  
anhhd@kbsec.com.vn

**Lê Hạnh Quyên**  
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng  
quyenlh@kbsec.com.vn

**Thái Hữu Công**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
congth@kbsec.com.vn

**Trần Thị Phương Anh**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

**Nguyễn Cẩm Thơ**  
Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

**Nguyễn Thị Hương**  
Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.